

Soạn Looking back - Unit 6 lớp 9 SGK trang 68, 69

1. Complete the following word web with transport systems in Viet Nam then and now.

(Hoàn thành mạng lưới từ sau đây với hệ thống giao thông ở Việt Nam xưa và nay.)

Then	Now
earthen road	concrete road
path	underpass
trench	flyover
brick road	skytrain system
tunnel	skywalk system
alley	cable car
tram system	tunnel
	alley

2. Fill in each blank with one word/phrase.

(Điền chỗ trống từ /cụm từ.)

1. extended	2. nuclear	3. facilities	4. Rubber sandals	5. trenches
-------------	------------	---------------	-------------------	-------------

Hướng dẫn dịch

- Cô ấy sống trong một đại gia đình, vì vậy cô ấy không có nhiều sự riêng tư.
- Chúng tôi sống trong một gia đình hạt nhân chỉ với ba mẹ và tôi.

3. Con cái chúng ta đã không có phương tiện học tập tốt như máy tính, đầu đĩa CD hoặc phòng thí nghiệm suốt những năm 1980.
4. Dép cao su từng trở thành một hình ảnh gắn liền với những người lính của chúng ta trong quá khứ.
5. Lớp học được làm từ bùn và rom với những rãnh xung quanh phổ biến ở Việt Nam suốt thời kỳ chiến tranh.

3. Read the passage and fill in each blank with a suitable ...

(Đọc đoạn văn và điền vào chỗ trống từ thích hợp trong bảng.)

1. extended	2. nuclear	3. disobedient	4. sympathetic/ understanding
5. understanding/sympathetic	6. tolerant	7. caring	8. share

Hướng dẫn dịch

Tôi từng học ở một trường năng khiếu tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Nhà tôi ở xa nên tôi phải sống với bà con. Đó là một đại gia đình với 10 người và 1 người chị họ bằng tuổi tôi. Mẹ tôi đã lo lắng bởi vì tôi xuất thân từ một gia đình hạt nhân - nhỏ hơn và ít phức tạp hơn nhiều. Tôi là một đứa con gái ngang bướng - kiểu người mà không bao giờ làm những gì mà họ bảo. Tôi thậm chí đã ganh tị khi chị họ học cao hơn. May mắn là người bà con của tôi thật sự rất cảm thông và thấu hiểu và chị họ tôi là một cô gái vị tha. Cô ấy đã không quá buồn vì ứng xử tệ của tôi. Không chỉ chăm sóc mẹ mình cô ấy còn sẵn sàng giúp tôi học và chăm sóc tôi khi tôi bệnh. Sau 3 năm sống với họ, tôi cũng học được cách thích nghi với các thành viên trong một gia đình lớn, tôi nên học làm thế nào để chia sẻ.

4. Complete the sentences with appropriate adjectives.

(Hoàn thành câu với các tính từ thích hợp.)

1. necessary/important	2. certain/sure/hopeful	3. certain/sure/confident
4. sorry/sure	5. sorry	6. convinced/certain/sure

Hướng dẫn dịch

1. Coi trọng việc cải thiện điều kiện sống chúng ta có hôm nay là cần thiết.
2. Cô ấy hy vọng hệ thống xe điện trên cao sẽ giải quyết vấn đề giao thông trong thành phố.
3. Chính quyền bảo đảm rằng hệ thống giáo dục của chúng ta sẽ được cải thiện đáng kể vào năm 2020.
4. Chúng ta đều rất tiếc khi vấn đề ô nhiễm càng ngày càng nghiêm trọng.
5. Chúng tôi rất tiếc khi nghe về điều kiện sống nghèo nàn ngày ấy.
6. Tôi chắc chắn rằng âm thanh leng keng của xe điện ở Hà Nội sẽ sống mãi trong tim chúng ta.

5. Correct the italicised text where necessary.

(Sửa phần được in nghiêng nếu cần thiết.)

1. no change	2. take → could take	3. no change	4. let → to let
5. no change	6. no change	7. no change	8. be → was

Hướng dẫn dịch

Cuối cùng, chúng tôi đã kết thúc năm học và Trang rủ tôi đi Đà Nẵng bằng xe lửa với cô ấy. Tôi nghĩ rằng nó thật là nguy hiểm khi chúng tôi tự đi bởi vì chúng tôi chỉ mới 15 tuổi. Nhưng Trang tự tin rằng cô ấy đưa tôi đến đó an toàn. Hơn nữa, ba

mẹ chúng tôi quá bận để đi với chúng tôi nên họ rất vui vẻ để chúng tôi đi. Họ thậm chí đưa chúng tôi ra ga Hà Nội và để chúng tôi ở đó với hành lý và vé. Tôi vẫn rất lo lắng sợ rằng chúng tôi sẽ bị lạc nhưng Trang thì lại rất hài lòng khi được phép tự đi. Chúng tôi đều nghĩ rằng sẽ tiện hơn khi đi chuyến tàu đêm bởi vì chúng tôi có thể ngủ suốt đêm. Khi chúng tôi đến nơi, tôi đã kinh ngạc vì thành phố khác xa những gì tôi nhìn thấy 5 năm trước và tôi thấy rất thoải mái vì chúng tôi đã đến an toàn và như lời cô ấy hứa.

6. Role-play. Interview a travel agent about Vietnamese people's holiday trends before and after 2000.

(Diễn kịch. Phỏng vấn một đại lý du lịch về xu hướng nghỉ mát của người Việt Nam trước và sau năm 2000. Sử dụng những gợi ý trong bảng cho bài phỏng vấn của em. Em có thể sử dụng ví dụ để bắt đầu.)

Gợi ý:

A: Your agent is among the most famous travel agents in Viet Nam, so I'd like to ask you some questions about people's holiday trends before and after 2000.

B: Ok, what do you want to know?

A: I want to ask where people used to go to before 2000?

B: At that time, people tended to go on holiday on the beaches or mountains. They preferred inside the country.

A: And now?

B: Today, beaches and mountains are still popular destination for most of tourists but they tend to go to other countries.

A: What differences between means of transportation they used?

B: Before 2000, they usually go by coach or train and rarely by airplane; but after 2000, airplane and car are more popular.

A: Thank you for sharing!